

Số: 149/QĐ-CCDS

Bình Dương, ngày 17 tháng 6 năm 2025.

TRUNG TÂM Y TẾ TP. THUAN AN

QUYẾT ĐỊNH

ĐẾN Số: 986
Ngày: 28/6 Về việc điều chỉnh dự toán thu, chi Ngân sách nhà nước năm 2025.

Chuyển: CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC DÂN SỐ - KHHGD

Số và ký hiệu HS: Căn cứ Quyết định số 667/QĐ-SYT ngày 31/5/2022 của Sở Y tế về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-SYT ngày 10/01/2025 của Sở Y tế tỉnh Bình Dương, về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Hành Chính - Tổng hợp, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh tăng/giảm dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 (Hoạt động Dân số - KHHGD) cho các đơn vị sử dụng ngân sách chương trình Dân số - KHHGD năm 2025 (theo Biểu số 48 đính kèm).

Điều 2. Căn cứ nội dung dự toán điều chỉnh thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 (Hoạt động Dân số - KHHGD), đề nghị Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách chương trình Dân số - KHHGD tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN và các chính sách, chế độ hiện hành đảm bảo phù hợp, thiết thực, tiết kiệm, hiệu quả và chịu trách nhiệm nếu quản lý, sử dụng ngân sách không đúng quy định, gây lãng phí, sai sót.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp; phòng Nghiệp vụ Chi cục Dân số- Kế hoạch hóa gia đình; Thủ trưởng đơn vị được giao dự toán điều chỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Y tế (báo cáo);
- Sở Tài chính (nhập Tabmis);
- KBNN tỉnh (kiểm soát chi);
- Lưu.

CHI CỤC TRƯỞNG



Lê Thị Tuyết Bình

Chuyển

TEKT
ĐS-PT
hmm

22.6.25
lsh

Chi cục Dân số - KHHGD

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trung tâm y tế thành phố Thuận An

Mã đơn vị quan hệ với ngân sách: 1117062

(Kèm theo Quyết định số 11/QĐ-CCDS ngày 18/6/2025 của Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh Bình Dương)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Mã NVC	Chương, loại, khoản	Mã nguồn	Mã CTMT	Số tiền
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
1	Số thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp					-
	- Viện phí (giá dịch vụ)					-
	- Phí, lệ phí					
2	Chi từ nguồn thu được để lại					-
	- Viện phí (giá dịch vụ)					-
	- Phí, lệ phí					
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách Nhà nước					
B	Phần chi					(1,312,965,000)
I	Quản lý Nhà nước	340	423,340-341			-
1	Kinh phí thực hiện tự chủ (*)					-
1.1	Quỹ lương			13		
1.2	Chi thường xuyên theo định mức			13		
	Cộng nguồn 13:					-
1.3	Kinh phí tiết kiệm 10% điều chỉnh tiền lương			14		
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ					-
2.1	Chi sửa chữa lớn TSCĐ			12		
2.2	Chi khác			12		
	Cộng nguồn 12:					-
2.3	Chi mua sắm TSCĐ			29		
2.4	Đã trừ kinh phí tiết kiệm 10% điều chỉnh tiền lương					
II	Sự nghiệp Dân số	130	423, 130-151			(1,312,965,000)
1	Kinh phí giao tự chủ (*)					-
1.1	Kinh phí thực hiện thường xuyên			13		
1.2	Kinh phí tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương			14		
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	130	423, 130-151			(1,312,965,000)
2.1	Sự nghiệp Dân số - KHHGD (Hoạt động Dân số - KHHGD)			12	00000	(1,312,965,000)
	Cộng nguồn 12:					(1,312,965,000)